

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Biểu mẫu 20**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của  
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu trường Cao đẳng Kinh tế  
Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2021 – 2022 (tính đến ngày 31/7/2021)**

**A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu**

| STT      | Nội dung                     | Tổng Số    | Chức danh |             | Trình độ đào tạo |            |           |          |               | Hạng chức danh nghề nghiệp |          |        |
|----------|------------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------|-----------|----------|---------------|----------------------------|----------|--------|
|          |                              |            | Giáo sư   | Phó Giáo sư | Tiến sĩ          | Thạc sĩ    | Đại học   | Cao đẳng | Trình độ khác | Hạng III                   | Hạng II  | Hạng I |
| <b>I</b> | <b>Tổng số (1+2)</b>         | <b>123</b> |           |             | <b>1</b>         | <b>104</b> | <b>18</b> |          |               | <b>122</b>                 | <b>1</b> |        |
| 1        | Giảng viên cơ hữu theo ngành | 97         |           |             |                  | 84         | 13        |          |               | 97                         |          |        |
| 1.1      | Khối ngành I                 |            |           |             |                  |            |           |          |               |                            |          |        |
|          | Ngành Tài chính – Ngân hàng  | 14         |           |             |                  | 12         | 2         |          |               | 14                         |          |        |
| 1.2      | Khối ngành II                |            |           |             |                  |            |           |          |               |                            |          |        |
|          | Ngành Kế toán – Kiểm toán    | 13         |           |             |                  | 10         | 3         |          |               | 13                         |          |        |
| 1.3      | Khối ngành III               |            |           |             |                  |            |           |          |               |                            |          |        |
|          | Ngành Quản trị - Kinh doanh  | 22         |           |             |                  | 21         | 1         |          |               | 22                         |          |        |
| 1.4      | Khối ngành IV                |            |           |             |                  |            |           |          |               |                            |          |        |
|          | Ngành Kinh doanh thương mại  | 7          |           |             |                  | 7          | 0         |          |               | 7                          |          |        |
| 1.5      | Khối ngành V                 |            |           |             |                  |            |           |          |               |                            |          |        |
|          | Ngành Logistics              | 3          |           |             |                  | 3          | 0         |          |               | 3                          |          |        |



|      |                                      |    |  |  |   |    |   |  |  |    |   |  |
|------|--------------------------------------|----|--|--|---|----|---|--|--|----|---|--|
| 1.6  | Khối ngành VI                        |    |  |  |   |    |   |  |  |    |   |  |
|      | Ngành Kinh doanh XNK                 | 5  |  |  |   | 5  | 0 |  |  | 5  |   |  |
| 1.7  | Khối ngành VII                       |    |  |  |   |    |   |  |  |    |   |  |
|      | Ngành Quản lý công nghiệp và Du lịch | 5  |  |  |   | 4  | 1 |  |  | 5  |   |  |
| 1.8  | Khối ngành VIII                      |    |  |  |   |    |   |  |  |    |   |  |
|      | Ngành tiếng Anh                      | 12 |  |  |   | 7  | 5 |  |  | 12 |   |  |
| 1.9  | Khối ngành IX                        |    |  |  |   |    |   |  |  |    |   |  |
|      | Ngành Công tác xã hội                | 4  |  |  |   | 4  | 0 |  |  | 4  |   |  |
| 1.10 | Khối ngành X                         |    |  |  |   |    |   |  |  |    |   |  |
|      | Ngành Công nghệ thông tin            | 12 |  |  |   | 11 | 1 |  |  | 12 |   |  |
| 2    | Giảng viên cơ hữu môn chung          | 26 |  |  | 1 | 20 | 5 |  |  | 25 | 1 |  |

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

| STT | Họ và tên            | Năm sinh | Giới tính | Chức danh  | Trình độ đào tạo              | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------|----------|-----------|------------|-------------------------------|------------------------|
| 1   | <b>Khối ngành I</b>  |          |           |            |                               |                        |
|     | Lê Phan Vĩnh Lộc     | 1980     | Nam       | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng | Tài chính- Ngân hàng   |
|     | Nguyễn Thu Huyền     | 1975     | Nữ        | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng | Tài chính- Ngân hàng   |
|     | Nguyễn Thị Chi Thảo  | 1985     | Nữ        | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng | Tài chính- Ngân hàng   |
|     | Trần Thị Thùy Anh    | 1983     | Nữ        | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng | Tài chính- Ngân hàng   |
|     | Nguyễn Thị Kim Cương | 1986     | Nữ        | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng | Tài chính- Ngân hàng   |
|     | Dương Ngọc Kiều Diễm | 1985     | Nữ        | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng | Tài chính- Ngân hàng   |
|     | Dương Diễm Kiều      | 1978     | Nữ        | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng | Tài chính- Ngân hàng   |



|   |                        |      |     |            |                                         |                      |
|---|------------------------|------|-----|------------|-----------------------------------------|----------------------|
|   | Nguyễn Minh Luân       | 1975 | Nam | Giảng viên | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng           | Tài chính- Ngân hàng |
|   | Trương Minh Nam        | 1975 | Nam | Giảng viên | Cử nhân Tài chính - Tín dụng            | Tài chính- Ngân hàng |
|   | Nguyễn Hồng Ngọc       | 1987 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng           | Tài chính- Ngân hàng |
|   | Phạm Thị Nhở           | 1986 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng           | Tài chính- Ngân hàng |
|   | Phạm Thị Hồng Nhung    | 1983 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Kế toán             | Tài chính- Ngân hàng |
|   | Đặng Thị Hà Tiên       | 1976 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng           | Tài chính- Ngân hàng |
|   | Nguyễn Hồng Tuấn       | 1990 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng           | Tài chính- Ngân hàng |
| 2 | <b>Khối ngành II</b>   |      |     |            |                                         |                      |
|   | Nguyễn Thị Thanh Hà    | 1973 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Kế toán                         | Kế toán              |
|   | Nguyễn Di Tích         | 1962 | Nam | Giảng viên | Cử nhân Tài chính - Kế toán công nghiệp | Kế toán              |
|   | Vũ Thanh Long          | 1980 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Kế toán                         | Kiểm toán            |
|   | Phạm Thị Ngọc Cẩm      | 1989 | Nữ  | Giảng viên | Cử nhân Kế toán                         | Kế toán              |
|   | Tạ Thị Dung            | 1982 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng           | Kế toán              |
|   | Trần Hồng Đạt          | 1986 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Kế toán                         | Kế toán              |
|   | Trần Phương Thảo       | 1986 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng           | Kế toán              |
|   | Phạm Thị Thủy          | 1984 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng           | Kế toán              |
|   | Nguyễn Thị Thanh Trang | 1980 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng           | Kiểm toán            |
|   | Lê Ngọc Đoan Trang     | 1975 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Kế toán - Kiểm toán             | Kiểm toán            |
|   | Phạm Thị Thùy Thanh    | 1988 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Kế toán - Kiểm toán             | Kế toán              |
|   | Phan Hoàng Nhật        | 1989 | Nam | Giảng viên | Cử nhân Kế toán                         | Kế toán              |
|   | Đỗ Đậu Thi Thơ         | 1985 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Kế toán                         | Kế toán              |



**Khối ngành III**

|                        |      |     |            |                                                          |                          |
|------------------------|------|-----|------------|----------------------------------------------------------|--------------------------|
| Nguyễn Thị Trúc Phương | 1981 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Nguyễn Ngọc Đức        | 1978 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Trần Kim Đính          | 1981 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Lê Thị Hồng Hà         | 1982 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Nguyễn Thị Kim Liên    | 1989 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Nguyễn Thị Hiền Lương  | 1977 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Quản lý giáo dục;<br>Cử nhân Quản trị kinh doanh | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Nguyễn Thị Kim Ngân    | 1983 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Trương Thị Hoài Phương | 1990 | Nữ  | Giảng viên | Cử nhân Kinh tế và<br>quản lý công                       | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Lương Trần Quỳnh       | 1982 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Huỳnh Thị Thiệt        | 1988 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Tâm lý học                                       | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Lê Đức Thọ             | 1990 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Nguyễn Ngọc Thuận      | 1990 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Trần Thị Thu Trang     | 1980 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh tế học                                      | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Lê Thị Ngọc Trâm       | 1987 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Huỳnh Thị Quỳnh Tuyên  | 1987 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Hoàng Tú Uyên          | 1991 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Trần Ngọc Phương Uyên  | 1980 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Huỳnh Công Toại        | 1991 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh tế học                                      | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Mai Trường An          | 1989 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Nguyễn Vĩnh Phước      | 1989 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                              | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Trần Thị Vân Anh       | 1984 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Đo lường và đánh<br>giá trong giáo dục           | Quản trị -<br>Kinh doanh |
| Khê Văn Mạnh           | 1967 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Hành chính công;<br>Cử nhân Kế toán              | Quản trị -<br>Kinh doanh |



|   |                       |      |     |            |                                                           |                       |
|---|-----------------------|------|-----|------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------|
| 4 | <b>Khối ngành IV</b>  |      |     |            |                                                           |                       |
|   | Võ Thị Khánh Vân      | 1977 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế                                | Kinh doanh thương mại |
|   | Lý Tiến               | 1965 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản lý giáo dục;<br>Cử nhân Kinh tế ngoại thương | Kinh doanh thương mại |
|   | Phạm Thị Ngọc Thúy    | 1983 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh doanh thương mại                             | Kinh doanh thương mại |
|   | Hồ Lê Thu Hương       | 1983 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Thương mại                                        | Kinh doanh thương mại |
|   | Hồ Nguyễn Duy Nguyên  | 1986 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh doanh (tiếp thị)                             | Kinh doanh thương mại |
|   | Nguyễn Hữu Nghĩa      | 1967 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh tế                                           | Kinh doanh thương mại |
|   | Phong Chí Nhân        | 1991 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                               | Kinh doanh thương mại |
| 5 | <b>Khối ngành V</b>   |      |     |            |                                                           |                       |
|   | Phan Nguyễn Mai Trang | 1981 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý                             | Logistics             |
|   | Đỗ Vũ Bá              | 1989 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh tế quốc tế                                   | Logistics             |
|   | Đỗ Thị Ngọc Thịnh     | 1988 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh tế đối ngoại                                 | Logistics             |
| 6 | <b>Khối ngành VI</b>  |      |     |            |                                                           |                       |
|   | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 1988 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                               | Kinh doanh XNK        |
|   | Phạm Thị Kim Thủy     | 1981 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh doanh thương mại                             | Kinh doanh XNK        |
|   | Tô Phúc Vĩnh Nghi     | 1987 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                               | Kinh doanh XNK        |
|   | Nguyễn Xuân Trường    | 1978 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                               | Kinh doanh XNK        |
|   | Huỳnh Hồ Đa Thiện     | 1988 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh                               | Kinh doanh XNK        |





|   |                        |      |     |            |                                           |                        |
|---|------------------------|------|-----|------------|-------------------------------------------|------------------------|
| 7 | <b>Khối ngành VII</b>  |      |     |            |                                           |                        |
|   | Trần Thị Hoàng Oanh    | 1984 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Văn hóa học;<br>Cử nhân Du lịch   | Hướng dẫn<br>du lịch   |
|   | Nguyễn Duy Thành       | 1975 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Lịch sử<br>Đảng Cộng sản Việt Nam | Hướng dẫn<br>du lịch   |
|   | Phan Thùy Linh         | 1977 | Nữ  | Giảng viên | Cử nhân Quản trị<br>du lịch khách sạn     | Hướng dẫn<br>du lịch   |
|   | Đào Văn Đạt            | 1980 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh               | Quản lý<br>công nghiệp |
|   | Lê Thanh Đức           | 1980 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Cơ khí chế tạo máy                | Quản lý<br>công nghiệp |
| 8 | <b>Khối ngành VIII</b> |      |     |            |                                           |                        |
|   | Nguyễn Thanh Xuân      | 1984 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Giảng dạy<br>tiếng Anh            | Tiếng Anh              |
|   | Trần Thị Hồng Thi      | 1979 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Giảng dạy<br>tiếng Anh            | Tiếng Anh              |
|   | Bùi Thị Thanh Thảo     | 1989 | Nữ  | Giảng viên | Cử nhân tiếng Anh                         | Tiếng Anh              |
|   | Đỗ Ngọc Quỳnh          | 1981 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Giảng dạy<br>tiếng Anh            | Tiếng Anh              |
|   | Trần Thị Oanh Đào      | 1970 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Ngôn ngữ<br>học ứng dụng          | Tiếng Anh              |
|   | Trần Đình Khoa         | 1979 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Giảng dạy<br>tiếng Anh            | Tiếng Anh              |
|   | Nguyễn Thị Bảo Ngọc    | 1983 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Ngôn ngữ<br>học ứng dụng          | Tiếng Anh              |
|   | Nguyễn Đình Thao       | 1976 | Nam | Giảng viên | Cử nhân tiếng Anh                         | Tiếng Anh              |
|   | Vũ Hoàng Giang         | 1991 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Giảng dạy<br>tiếng Anh            | Tiếng Anh              |
|   | Võ Hoàng Nhân          | 1990 | Nam | Giảng viên | Cử nhân Ngữ học –<br>Dạy tiếng            | Tiếng Anh              |
|   | Bùi Lý Thanh Tâm       | 1985 | Nữ  | Giảng viên | Cử nhân Ngôn ngữ Anh                      | Tiếng Anh              |
|   | Nguyễn Thị Cẩm Tiên    | 1992 | Nữ  | Giảng viên | Cử nhân Ngôn ngữ Anh                      | Tiếng Anh              |





|    |                        |      |     |            |                                                             |                     |
|----|------------------------|------|-----|------------|-------------------------------------------------------------|---------------------|
| 9  | <b>Khối ngành IX</b>   |      |     |            |                                                             |                     |
|    | Đinh Quốc Anh          | 1988 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Xã hội học                                          | Công tác xã hội     |
|    | Nguyễn Thị Ngọc Nhung  | 1969 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Xã hội học                                          | Công tác xã hội     |
|    | Đỗ Văn Nam             | 1976 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Công tác xã hội                                     | Công tác xã hội     |
|    | Võ Văn Dân             | 1974 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Xã hội học                                          | Công tác xã hội     |
| 10 | <b>Khối ngành X</b>    |      |     |            |                                                             |                     |
|    | Đào Quốc Phương        | 1979 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Khoa học máy tính                                   | Công nghệ thông tin |
|    | Kiều Tất Thắng         | 1978 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh;<br>Cử nhân Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin |
|    | Nguyễn Hoàng Sơn Vĩ    | 1979 | Nam | Giảng viên | Cử nhân Tin học                                             | Công nghệ thông tin |
|    | Trương Châu            | 1977 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh tế học;<br>Cử nhân Sư phạm Tin học             | Công nghệ thông tin |
|    | Nguyễn Hải Triều       | 1986 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh tế học;<br>Cử nhân Công nghệ thông tin         | Công nghệ thông tin |
|    | Nguyễn Thị Phương Thùy | 1984 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh tế học;<br>Cử nhân Sư phạm Tin học             | Công nghệ thông tin |
|    | Nguyễn Văn Tú          | 1984 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Khoa học máy tính                                   | Công nghệ thông tin |
|    | Nguyễn Tường Nam       | 1989 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;<br>Cử nhân Sư phạm Tin học     | Công nghệ thông tin |
|    | Hồ Thị Thanh Nga       | 1985 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Khoa học máy tính                                   | Công nghệ thông tin |
|    | Lê Xuân Mai            | 1988 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Hệ thống thông tin                                  | Công nghệ thông tin |
|    | Hồ Nguyễn Cúc Phương   | 1979 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Bản đồ viễn thám<br>và hệ thông tin địa lý          | Công nghệ thông tin |
|    | Trương Tấn Lộc         | 1980 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Hệ thống thông tin quản lý                          | Công nghệ thông tin |

HÀNH  
C  
VH TẾ  
MINH  
NIM



|    |                                |      |     |            |                                                    |               |
|----|--------------------------------|------|-----|------------|----------------------------------------------------|---------------|
| 11 | <b>Giảng dạy các môn chung</b> |      |     |            |                                                    |               |
|    | Trần Văn Tú                    | 1976 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản lý giáo dục;<br>Cử nhân Chính trị học | Các môn chung |
|    | Lê Quốc Trung                  | 1965 | Nam | Giảng viên | Cử nhân Giáo dục thể chất                          | Các môn chung |
|    | Phạm Ngọc Hiệp                 | 1978 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ<br>Giáo dục thể chất                       | Các môn chung |
|    | Phạm Hùng Dũng                 | 1978 | Nam | Giảng viên | Tiến sĩ Triết học                                  | Các môn chung |
|    | Nguyễn Trần Luân               | 1970 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Giáo dục thể chất                          | Các môn chung |
|    | Đỗ Thị Lan Anh                 | 1981 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học                  | Các môn chung |
|    | Phan Thị Thu Thảo              | 1976 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Luật                                       | Các môn chung |
|    | Lưu Đình Vinh                  | 1981 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Triết học                                  | Các môn chung |
|    | Nguyễn Thị Thanh Hương         | 1983 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh tế chính trị                          | Các môn chung |
|    | Văn Khắc Vũ                    | 1978 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Kinh tế chính trị                          | Các môn chung |
|    | Nguyễn Văn Thế                 | 1984 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Triết học                                  | Các môn chung |
|    | Nguyễn Thị Bình                | 1985 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Chính trị học                              | Các môn chung |
|    | Lương Thị Ngọt                 | 1989 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Chính trị học                              | Các môn chung |
|    | Đặng Thị Huyền Trang           | 1983 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Luật                                       | Các môn chung |
|    | Trần Hoài Trung                | 1983 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;<br>Cử nhân Luật       | Các môn chung |
|    | Nguyễn Đình Bảo Châu           | 1968 | Nam | Giảng viên | Cử nhân Luật                                       | Các môn chung |
|    | Đặng Kim Quyên                 | 1966 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Hành chính công                            | Các môn chung |
|    | Đào Thị Hoàng Oanh             | 1980 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Giáo dục thể chất                          | Các môn chung |
|    | Nguyễn Duy Bình                | 1979 | Nam | Giảng viên | Cử nhân Giáo dục thể chất                          | Các môn chung |
|    | Nguyễn Phạm Việt Đăng          | 1983 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Bóng đá                                    | Các môn chung |
|    | Lê Nguyễn Quốc Phi             | 1990 | Nam | Giảng viên | Cử nhân Giáo dục thể chất                          | Các môn chung |

PHÒNG QUẢN LÝ



|                    |      |     |            |                                                    |               |
|--------------------|------|-----|------------|----------------------------------------------------|---------------|
| Nguyễn Lê An Khang | 1978 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Huấn luyện thể dục thể thao                | Các môn chung |
| Hoàng Hữu Vinh     | 1962 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Toán                                       | Các môn chung |
| Nguyễn Thúy An     | 1984 | Nữ  | Giảng viên | Thạc sĩ Lý thuyết xác suất và thống kê toán học    | Các môn chung |
| Nguyễn Thanh Hùng  | 1964 | Nam | Giảng viên | Thạc sĩ Việt Nam học; Cử nhân Thống kê nông nghiệp | Các môn chung |
| Dương Văn Chí      | 1975 | Nam | Giảng viên | Cử nhân Thống kê                                   | Các môn chung |

Tp.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2021



**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Văn Tú**